

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>1. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phương pháp quản lý của Nhà trường:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà trường có đầy đủ bộ máy, cơ cấu tổ chức theo quy định. Ban giám hiệu nhà trường gồm có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng. Đội ngũ giáo viên gồm 86 thầy cô, sinh hoạt tại 6 tổ chuyên môn, đảm bảo giảng dạy các môn theo quy định; 10 nhân viên đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ văn phòng, hành chính, y tế, thiết bị, thư viện phục vụ công tác dạy học của nhà trường. 100% cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn trở lên. Trong đó, 100% cán bộ quản lý và 22.1% có trình độ đào tạo trên chuẩn. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường đều là những người có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, thương yêu học sinh, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.- Nhà trường có phương pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và của địa phương; đảm bảo theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và theo hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên. Luôn có sự đổi mới trong công tác lãnh đạo và quản lý các hoạt động giáo dục với phương pháp quản lý khoa học, phương châm xây dựng nhà trường nền nếp, kỷ cương, chất lượng vì tương lai của các thế hệ học sinh. <p>2. Về điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường cam kết phục vụ học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none">- Khu lớp học của nhà trường ở 03 dãy nhà tầng kiên cố, gồm 45 phòng học, 07 phòng học bộ môn (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ) và phòng học đa chức năng phục vụ dạy học thực hành, thí nghiệm và các chuyên đề. Các phòng đều được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy		

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>1. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phương pháp quản lý của Nhà trường:</p> <p>- Nhà trường có đầy đủ bộ máy, cơ cấu tổ chức theo quy định. Ban giám hiệu nhà trường gồm có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng. Đội ngũ giáo viên gồm 86 thầy cô, sinh hoạt tại 6 tổ chuyên môn, đảm bảo giảng dạy các môn theo quy định; 10 nhân viên đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ văn phòng, hành chính, y tế, thiết bị, thư viện phục vụ công tác dạy học của nhà trường. 100% cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn trở lên. Trong đó, 100% cán bộ quản lý và 22.1% có trình độ đào tạo trên chuẩn. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường đều là những người có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, thương yêu học sinh, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.</p> <p>- Nhà trường có phương pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và của địa phương; đảm bảo theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và theo hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên. Luôn có sự đổi mới trong công tác lãnh đạo và quản lý các hoạt động giáo dục với phương pháp quản lý khoa học, phương châm xây dựng nhà trường nền nếp, kỷ cương, chất lượng vì tương lai của các thế hệ học sinh.</p> <p>2. Về điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường cam kết phục vụ học sinh:</p> <p>- Khu lớp học của nhà trường ở 03 dãy nhà tầng kiên cố, gồm 45 phòng học, 07 phòng học bộ môn (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ) và phòng học đa chức năng phục vụ dạy học thực hành, thí nghiệm và các chuyên đề. Các phòng đều được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy</p>		

CHÚC ĐỘNG

		<p>móc phục vụ dạy-học (bảng viết, bàn ghế, hệ thống điện lưới, đèn quạt, máy chiếu, loa đài...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu Hiệu bộ của nhà trường với đầy đủ các phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng; có truyền thống, phòng khách, phòng họp Hội đồng sư phạm, phòng văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, thư viện; có các phòng làm việc của tổ chức Đảng, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên. - Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu, hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ dạy-học; có các phòng kho bảo quản thiết bị dạy học các bộ môn. - Khuôn viên nhà trường rộng rãi, riêng biệt; có công trường, có tường rào, có sân chơi, bãi tập, có nhà để xe, khu vệ sinh, nước sạch... <p>3. Về tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hằng năm, Nhà trường được cấp nguồn tài chính đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục, giảng dạy và chi trả các chế độ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định. - Công tác quản lý, sử dụng, thu - chi tài chính được thực hiện và công khai, đúng quy định.
II	<p>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</p>	<p>Nhà trường tổ chức giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (Chương trình GDPT 2018) của Bộ GD&ĐT.</p>
III	<p>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của</p>	<p>1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường yêu cầu cha mẹ học sinh có trách nhiệm cao trong việc phối hợp với nhà trường để tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp cho học sinh; Phối hợp với nhà trường và GVCN trong việc quản lý, giáo dục học sinh. - Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp và của nhà trường được thành lập/kiện toàn và hoạt động theo Thông tư số: 55/2011/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục



	<p>học sinh</p>	<p>học sinh. Việc trao đổi thông tin giữa nhà trường và gia đình được thực hiện thường xuyên, bằng nhiều hình thức, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và giáo dục học sinh.</p> <p>2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhà trường phải có tinh thần, thái độ học tập tích cực, nghiêm túc; có ý thức chủ động trong lĩnh hội tri thức mới, trong rèn luyện, phát triển nhân cách, phẩm chất và các kỹ năng cốt lõi cho bản thân; có tinh thần vượt khó, ý thức tự học và sáng tạo. - Ngoài việc thực hiện tốt nhiệm vụ học tập thì phải tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động trải nghiệm thực tế, hoạt động tình nguyện, góp phần xây dựng môi trường học tập, giáo dục lành mạnh, tích cực.
<p>IV</p>	<p>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</p>	<p>Ngoài những hoạt động giáo dục chính khóa theo Chương trình GDPT 2018 nhà trường còn có các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh, giúp các em học tập hiệu quả hơn, phát triển toàn diện hơn như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các câu lạc bộ; tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống; giáo dục đạo đức, pháp luật. - Các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, từ thiện, chương trình hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn (<i>miễn giảm học phí, tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán, tặng quà học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó vào các dịp khai giảng, sơ kết, tổng kết năm học...</i>). - Chương trình phụ đạo, giúp đỡ những học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi; hướng dẫn, tạo điều kiện cho học sinh tập nghiên cứu khoa học; các cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố và cấp Cụm trường THPT Chương Mỹ-Thanh Oai; - Các cuộc thi tìm hiểu, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, các hoạt động vui chơi, giải trí, hoạt động trải nghiệm thực tế,... - Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể ở địa phương tổ chức các hoạt động giáo dục lịch sử, truyền thống dân tộc; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh...

10 T
 NG
 TH
 NG
 ION

V	<p>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</p>	<p>- Kết quả về hạnh kiểm: 99.85% học sinh đạt loại Khá, Tốt.</p> <p>- Kết quả về học lực: 92.11% đạt loại Tốt, 7.59% đạt loại Khá, không có HS Chưa đạt.</p> <p>- 100% có đủ sức khỏe để học tập tốt.</p>	<p>- Kết quả về hạnh kiểm: 99.7% học sinh đạt loại Khá, Tốt.</p> <p>- Kết quả về học lực: 70.65% đạt loại Tốt, 28.4% đạt loại Khá, 0.45 HS loại TB, 0.15% loại Chưa đạt.</p> <p>- 100% có đủ sức khỏe để học tập tốt.</p>	<p>- Kết quả về hạnh kiểm: 100% học sinh đạt loại Khá, Tốt.</p> <p>- Kết quả về học lực: 43.3% đạt loại Tốt, 56.6% đạt loại Khá, 0.56% đạt loại không có HS Chưa đạt.</p> <p>- 100% có đủ sức khỏe để học tập tốt.</p>
VI	<p>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</p>	<p>Có khả năng học tập chương trình lớp 11 tiếp theo.</p>	<p>Có khả năng học tập chương trình lớp 12 tiếp theo.</p>	<p>- 70% học sinh có khả năng theo học chương trình Cao đẳng, Đại học.</p> <p>- 30% học sinh có khả năng theo học các chương trình trung cấp, dạy nghề.</p>

Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Diệp

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2042	672	660	710
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1930	647 (96.28)	616 (93.33)	667 (93.94)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	98	21 (1.03)	39 (5.91)	38 (5.35)
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12	3 (0.15)	4 (0.61)	5 (0.7)
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2	1 (0.05)	1 (0.15)	0
II	Số học sinh chia theo học lực	2042	672	660	710
1	Giỏi/ Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1.391	613 (91.22)	477 (72.27)	310 (43.66)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		54 (8.04)	176 (26.67)	393 (55.35)
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		3 (0.45)	6 (0.91)	7 (0.99)
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1	2 (0.3)	1 (0.15)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2042	672	660	710
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2041	671 (99.9)	660 (100)	710 (100)
a	Học sinh giỏi/ HSXS (tỷ lệ so với tổng số)	1366	601 (89.43)	463 (70.15)	302 (42.54)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	61	61 (2.99)		
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1		1 (0.15)	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	7	2 (0.3)	4 (0.6)	5 (0.75)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)			2 (0.3)	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	4	4		



1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	5	5		
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	672	672		
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	671	671		
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	547	547 (81.4)		
VIII	Số học sinh nữ/số học sinh nam	1164	383	375	406
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	7	2 (0.3)	1 (0.15)	4 (0.6)

Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Diệp



THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	45	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	45	1,1m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	7	1,5m ² /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	1,5m ² /HS
7	Bình quân lớp/phòng học		1/1
8	Bình quân học sinh/lớp		45HS/lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	19.000m ²	9,0m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4000m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	60 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	96 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	45	
1.1	Khối lớp 10	15	
1.2	Khối lớp 11	15	
1.3	Khối lớp 12	15	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy		



	định		
2.1	Khối lớp 10	-	
2.2	Khối lớp 11	-	
2.3	Khối lớp 12	-	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	-	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50 máy	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	50	
5	Thiết bị khác...	3	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	50	
5	Thiết bị khác...	3	
..		

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			04		

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học

và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây		Còn thiếu 250m dài

Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Diệp

